

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản  
đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Thực hiện Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030, trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 935/TTr-SNNPTNT-QLCL ngày 29/3/2022, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030, với các nội dung sau:

**I. Mục tiêu**

1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm nông lâm thủy sản (NLTS), tham gia toàn diện và bền vững vào chuỗi cung ứng NLTS. Nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm NLTS xuất khẩu của tỉnh nhằm đáp ứng các quy định của thị trường nhập khẩu; Phát triển sản xuất, chế biến các sản phẩm NLTS chủ lực của tỉnh theo hướng nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu NLTS gắn với mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững, áp dụng khoa học, công nghệ, số hóa trong sản xuất, chế biến, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm NLTS.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Mục tiêu đến năm 2025

- Khoảng 10% sản phẩm NLTS xuất khẩu được gắn thương hiệu, 50% sản phẩm truy xuất được nguồn gốc.

- Khoảng 30% giá trị xuất khẩu các sản phẩm NLTS là qua chế biến và chế biến sâu.

b. Mục tiêu đến năm 2030

- Khoảng 20% sản phẩm NLTS xuất khẩu được gắn thương hiệu, 70% sản phẩm truy xuất được nguồn gốc.

- Khoảng 40% giá trị xuất khẩu các sản phẩm NLTS là qua chế biến và chế biến sâu.

**II. Nội dung và giải pháp thực hiện**

1. Tuyên truyền, phổ biến

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao năng lực thực thi pháp luật về sản xuất, kinh doanh NLTS. Tổ chức quán triệt nội dung Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030 và các văn bản liên quan.

- Tăng cường cung cấp thông tin, dự báo về thương mại, thị trường NLTS các qui định thị trường xuất khẩu. Phổ biến các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, đào tạo nhằm đáp ứng các quy định của thị trường xuất khẩu.

## 2. Nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm

- Triển khai các dự án, áp dụng chương trình sản xuất, thực hành nông nghiệp tốt (GAP, Global GAP,...), hữu cơ, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với nguyên liệu đầu vào, chất lượng sản phẩm đầu ra và hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong chế biến nhằm tăng cường quản lý chất lượng và an toàn sản phẩm NLTS xuất khẩu.

- Cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở nuôi trồng cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm NLTS theo yêu cầu của từng thị trường xuất khẩu

- Xây dựng các chuỗi liên kết, vùng nuôi an toàn dịch bệnh. Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất gắn với chế biến, bảo quản và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

## 3. Ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong phát triển chuỗi giá trị của từng sản phẩm NLTS.

4. Xây dựng và phát triển thương hiệu, xúc tiến thương mại và phát triển thị trường NLTS: Triển khai các hoạt động phát triển thương hiệu sản phẩm NLTS, xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá hình ảnh, thương hiệu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng. Hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận thị trường thương mại điện tử.

5. Thực hiện các chính sách của chính phủ, xây dựng một số chính sách đặc thù phù hợp với điều kiện hoàn cảnh riêng của tỉnh, trong đó chú trọng chính sách về khuyến khích phát triển chế biến nông lâm thủy sản xuất khẩu gắn với đầu tư phát triển vùng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản xuất khẩu, góp phần tăng nhanh giá trị hàng hóa của tỉnh.

## III. Nguồn kinh phí

1. Tổng kinh phí thực hiện: 52 tỷ (*có bảng khái toán kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch kèm theo*).

2. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Ngân sách tỉnh: 48 tỷ đồng;

- Vốn huy động doanh nghiệp: 4 tỷ đồng.

#### IV. Tổ chức thực hiện

##### 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ hàng năm hoặc đột xuất đánh giá kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, hữu cơ, chương trình quản lý chất lượng tiên tiến, truy xuất nguồn gốc trong sản xuất NLTS; hướng dẫn, triển khai cấp mã số vùng trồng, cơ sở nuôi trồng, cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu.

- Phối hợp với Sở Công Thương để hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu sản phẩm NLTS xuất khẩu thông qua Chương trình thương hiệu quốc gia; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký bảo hộ thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm NLTS chủ lực của tỉnh; tổ chức xúc tiến thương mại NLTS trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025; triển khai thực hiện đầy đủ, hiệu quả các chương trình đề án của Chính phủ và các Kế hoạch, nhiệm vụ liên quan về thúc đẩy xuất khẩu NLTS trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 16/8/2021 và Đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và các văn bản liên quan.

- Chỉ đạo Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản là đơn vị đầu mối trong việc chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch này.

##### 2. Sở Công Thương

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương, cung cấp thông tin thị trường nước ngoài để định hướng sản xuất sản phẩm nông lâm thủy sản của tỉnh đáp ứng theo quy định, tiêu chuẩn quốc tế.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan thực hiện các hoạt động nghiên cứu, dự báo thị trường, đánh giá khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông lâm thủy sản thế mạnh của tỉnh.

- Hỗ trợ giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm nông lâm thủy sản có thế mạnh của tỉnh.

##### 3. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở dự toán do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan lập, thực hiện thẩm tra tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí nguồn kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch thuộc nhiệm vụ chi của ngân

sách tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

#### 4. Sở Ngoại vụ

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan tổ chức các chương trình, sự kiện đối ngoại lồng ghép quảng bá sản phẩm nông lâm thủy sản của tỉnh vào các hoạt động giao lưu, quảng bá hình ảnh địa phương tại nước ngoài; phối hợp với các cơ quan có liên quan chủ động đăng cai tổ chức các hoạt động của các diễn đàn, hội nghị để nâng cao vị thế, thúc đẩy phát triển và quảng bá hình ảnh của tỉnh.

#### 5. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn quản lý.

- Thường xuyên thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến xuất khẩu NLTS cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh NLTS trên địa bàn.

- Phối hợp với các sở, ngành của tỉnh nghiên cứu, xây dựng các Chương trình, dự án phát triển công nghiệp chế biến NLTS gắn với vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh. Đề xuất cơ chế, chính sách và tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, kịp thời nắm bắt tình hình và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người sản xuất và các doanh nghiệp.

6. Các Sở, ban ngành và cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý nhà nước được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung liên quan của Kế hoạch này.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/cáo);
- Thường trực tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương; Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Ngoại vụ;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB; CVP, PCVP, KTTT, CBTH;
- Lưu: VT, KTN.toan151

**CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Minh**



**Phụ lục**  
**KHAI TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**  
 (Kèm theo Kế hoạch số **61** /KH-UBND ngày **04** /**4**/2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kinh phí thực hiện			Giai đoạn 2022-2025 (Nguồn kinh phí thực hiện tại Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 18/02/2022)				Ước Giai đoạn 2026-2030
			Tổng kinh phí	NSNN	Vốn Doanh nghiệp	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
<b>I</b>	<b>Nâng cao chất lượng ATTP, ứng dụng chuyển đổi số trong chuỗi giá trị nông lâm thủy sản</b>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn								
1	Hỗ trợ chuyển đổi số trong sản xuất, tiêu thụ nông lâm thủy sản, tiếp cận sàn thương mại điện tử quốc tế		9.000	8.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.500	4.500
2	Hỗ trợ phát triển chuỗi liên kết giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm NLST		34.000	32.000	2000	4.500	4.500	4.500	4.500	16.000
<b>II</b>	<b>Xúc tiến thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu</b>									
	Xúc tiến thương mại quốc tế, quảng bá giới thiệu cho các sản phẩm nông lâm thủy sản của tỉnh		9.000	8.000	1000	1.000	1.000	1.000	1.000	5.000
<b>TỔNG:</b>			<b>52.000</b>	<b>48.000</b>	<b>4.000</b>	<b>6.500</b>	<b>6.500</b>	<b>6.500</b>	<b>7.000</b>	<b>25.500</b>